

Phụ lục II
KẾT QUẢ GIẢI NGÂN KINH PHÍ KHCN, ĐMST VÀ CDS
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày tháng 10 năm 2026 của
Chủ tịch UBND thành phố)

I. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN NĂM 2026 TRÊN HỆ THỐNG IOC

1. Về tình hình phân bổ: Tổng nguồn kinh phí phân bổ cho lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS năm 2026 theo số liệu được ghi nhận trên Hệ thống IOC ngày 07/10/2026 là **1.798.724 tỷ đồng**, chiếm tỷ lệ **3,27%** tổng chi ngân sách địa phương, bao gồm hai nguồn:

- **Nguồn kinh phí đầu tư phát triển:** Tổng kinh phí đã phân bổ là **879,471 tỷ đồng** cho 33 dự án đầu tư công thuộc lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS (*chi tiết theo Phụ lục II.1*).

- **Nguồn kinh phí chi thường xuyên:** Tổng kinh phí phân bổ là **919.253 tỷ đồng**, được tổng hợp trên cơ sở số liệu các cơ quan, đơn vị cập nhật hàng tháng trên Hệ thống IOC, gồm:

+ Khối sở, ban, ngành: 437,074 tỷ đồng (gồm 21 cơ quan, đơn vị), (*chi tiết theo Phụ lục II.2*).

+ Khối phường, xã: 482,179 tỷ đồng (gồm 93 phường, xã), (*chi tiết theo Phụ lục II.3*).

2. Về kết quả giải ngân kinh phí: Tính đến thời điểm báo cáo, tổng giá trị giải ngân đạt **766,115 tỷ đồng**, **đạt tỷ lệ chung 43%**, cụ thể:

- **Nguồn kinh phí đầu tư phát triển:** Đã giải ngân 477.011 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 54,24% kế hoạch vốn (*Phụ lục II.1*).

- **Kinh phí sự nghiệp:** Đã giải ngân 289,104 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 31,45% kinh phí đã phân bổ (*Phụ lục II.2 và II.3*).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHI TIẾT

1. Chi đầu tư phát triển KHCN, ĐMST và CDS năm 2026 (Phụ lục II.1): Tổng vốn giao là **879,471 tỷ đồng**, đã giải ngân **477.011 tỷ đồng**, đạt **54,24%**; còn lại **402,460 tỷ đồng**, chiếm **45,76%**. Nguồn Trung ương phát sinh giải ngân thấp (giải ngân 43,132 tỷ đồng/321,359 tỷ đồng phân bổ, đạt 13%); phần lớn giá trị giải ngân tập trung ở nguồn địa phương. Tỷ lệ giải ngân theo kết quả phân nhóm từ cao xuống thấp như sau:

- **Nhóm tốt (80% – 100%):** 04 đơn vị:

+ Sở Khoa học và Công nghệ: 0,335/0,335, đạt 100%.

+ BQL các dự án đầu tư cơ sở HTUT: 43,766/46,938, đạt 97%

- + Văn phòng Thành ủy: 7,300/8,517, đạt 86%;
- + Trung tâm cung ứng dịch vụ SNC phường Hội An: 1,505/1,800, đạt 84%
- **Nhóm khá (từ 60% đến dưới 80%):** 01 đơn vị là Công an thành phố: 27,679/38,932, đạt 71,09%.
- **Nhóm trung bình (từ 40% đến dưới 60%):** 01 đơn vị là Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng, Công nghiệp và Hạ tầng kỹ thuật: 364,059/722,070, đạt 50,42%.
- **Nhóm yếu (từ 30% đến dưới 40%):** 01 đơn vị là Văn phòng Đảng ủy xã Núi Thành: 0,113/0,360, đạt 31%
- **Nhóm kém (dưới 30%):** 04 đơn vị, gồm:
 - + *Có giải ngân nhưng dưới 30% (02 đơn vị):* Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam: 1,136/30,500, đạt 4%; Văn phòng Đảng ủy phường Hội An: 0,275/0,996 đạt 28%
 - + *Chưa giải ngân (02 đơn vị, tỷ lệ giải ngân 0%):* Phòng Văn hóa - Xã hội phường Bàn Thạch (4,000 tỷ đồng); Ban QLDA ĐTXD phường Bàn Thạch (2,000 tỷ đồng).

Chủ đầu tư còn số vốn chưa giải ngân lớn: Ban QLDA ĐTXD Dân dụng, Công nghiệp và HTKT: 358,011 tỷ đồng; Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam: 29,364 tỷ đồng; Công an thành phố: 11,253 tỷ đồng.

2. Chi thường xuyên KHCN, ĐMST và CDS – Khối Sở, ban, ngành (Phụ lục II.2): Tổng kinh phí phân bổ là **437,074 tỷ đồng**, đã giải ngân **132,506 tỷ đồng**, đạt tỷ lệ thấp **30,31%**; số kinh phí còn lại chưa giải ngân lên tới **304,568 tỷ đồng**, chiếm **69,69%**. Tỷ lệ giải ngân phân loại theo các nhóm như sau:

- **Nhóm tốt (80% – 100%):** 01 đơn vị là Sở Y tế: **12,586/15,528 tỷ đồng**, đạt **81,05%**;
- **Nhóm khá (từ 60% đến dưới 80%):** 01 đơn vị là Sở Khoa học và Công nghệ: **107,783/174,407 tỷ đồng**, đạt **61,8%**.
- **Nhóm trung bình (từ 40% đến dưới 60%):** chưa có đơn vị nào
- **Nhóm yếu (từ 30% đến dưới 40%):** 01 đơn vị là Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật: 1,102/2,790 đạt 39,5%
- **Nhóm kém (dưới 30%):** 18 đơn vị, gồm:
 - + *Có giải ngân nhưng dưới 30% (05 đơn vị):* Sở Nông nghiệp và Môi trường: 21,452/192,036, đạt 11,17%; Sở Tài chính: 0,324/7,979 đạt 4,06%; Sở Công Thương: 0,123/3,870 đạt 3,18%; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng: 0,071/3,420 đạt 2,08%; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố: 0,004/1,067 đạt 0,37%

+ Chưa giải ngân (13 đơn vị, tỷ lệ 0%): Văn phòng Thành ủy (570); Văn phòng UBND thành phố (13,190 tỷ đồng); Sở Tư pháp (0,36 tỷ đồng); Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (1,530 tỷ đồng); Sở Nội vụ (11,160 tỷ đồng); Sở Xây dựng (0,350 tỷ đồng); Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII (0,450 tỷ đồng); Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp (1,080 tỷ đồng); Trung tâm Phát triển quỹ đất (6,570 tỷ đồng); Trường Chính trị (0,060 tỷ đồng); Thành Đoàn Đà Nẵng (0,270 tỷ đồng); Sở Ngoại vụ (0,378 tỷ đồng); Trường Cao đẳng Đà Nẵng (0,054 tỷ đồng).

Cơ quan, đơn vị còn kinh phí chưa giải ngân lớn: Sở Nông nghiệp và Môi trường: 107,584 tỷ đồng (88,88% vốn giao); Sở Khoa học và Công nghệ: 66,624 tỷ đồng; Văn phòng UBND thành phố: 13,190 tỷ đồng; Sở Nội vụ: 11,160 tỷ đồng; Sở Tài chính: 7,655 tỷ đồng; Trung tâm Phát triển quỹ đất: 6,570 tỷ đồng.

3. Chi thường xuyên KHCN, ĐMST và CDS – Khối Phường, xã (Phụ lục II.3): Tổng kinh phí phân bổ cho 93 xã, phường là **482,179 tỷ đồng**, đã giải ngân **156,598 tỷ đồng**, đạt **32,47%**; còn lại **325,581 tỷ đồng**, chiếm **67,53%**. Kết quả phân nhóm địa phương có tỷ lệ giải ngân từ cao xuống thấp như sau:

- **Nhóm tốt (80% – 100%):** 20 đơn vị: Phường Hương Trà 100%, Phường An Hải 99%, Xã Thượng Đức 96%, Xã Tam Mỹ 96%, Xã Thu Bồn 95%, Xã Trà Linh 94%, Phường Thanh Khê 93%, Xã Thăng Phú 92%, Phường Hội An Tây 90%, Xã Phú Thuận 88%, Xã Gò Nổi 88%, Xã Quế Sơn Trung 87%, Xã Vu Gia 87%, Xã Tam Xuân 86%, Xã Hà Nha 86%, Xã Thanh Bình 84%, Phường Bàn Thạch 83%, Phường Ngũ Hành Sơn 83%, Xã Đức Phú 82%, Xã Tam Anh 80%.

- **Nhóm khá (từ 60% đến dưới 80%):** 15 đơn vị: Phường Tam Kỳ 61%, Phường Hòa Cường 61%, Phường Hội An Đông 62%, Xã Điện Bàn Tây 66%, Xã Núi Thành 67%, Xã Quế Sơn 67%, Xã Thăng Trường 69%, Xã Nam Phước 70%, Phường An Khê 72%, Xã Đồng Dương 73%, Phường Hải Châu 75%, Xã La Dê 77%, Xã Thăng An 77%, Xã Trà Tân 78%, Phường Hòa Xuân 79%.

- **Nhóm trung bình (từ 40% đến dưới 60%):** 17 đơn vị: Xã Đông Giang 40%, Phường Cẩm Lệ 40%, Xã Quế Phước 41%, Xã Trà Tập 43%, Phường An Thắng 48%, Xã Duy Nghĩa 48%, Phường Liên Chiểu 50%, Xã Hòa Tiến 50%, Phường Quảng Phú 52%, Xã AVương 52%, Xã La Ê 52%, Xã Khâm Đức 52%, Phường Hải Vân 53%, Xã Phước Trà 53%, Xã Thanh Mỹ 54%, Xã Trà Vân 55%, Phường Hội An 55%.

- **Nhóm yếu (từ 30% đến dưới 40%):** 15 đơn vị: Xã Phước Hiệp 30%, Xã Bến Giằng 31%, Xã Phước Thành 31%, Phường Sơn Trà 31%, Xã Nam Trà My 31%, Xã Việt An 32%, Xã Tây Giang 32%, Xã Đắc Pring 34%, Xã Sông Kôn 34%, Xã Trà Leng 37%, Xã Trà Đốc 37%, Phường Hòa Khánh 37%, Xã Tam Hải 37%, Xã Tân Hiệp 39%, Xã Bà Nà 39%.

- **Nhóm kém (dưới 30%):** 26 đơn vị: Xã Tiên Phước 6%, Xã Thăng Bình 8%, Xã Hiệp Đức 9%, Phường Điện Bàn Đông 10%, Xã Xuân Phú 10%, Xã Chiên Đàn 11%, Xã Duy Xuyên 11%, Xã Phước Năng 11%, Xã Thăng Điện 11%, Xã Hùng Sơn 13%, Xã Tây Hồ 13%, Xã Nam Giang 14%, Xã Sơn Cẩm Hà 15%, Xã Đại Lộc 15%, Xã Phú Ninh 15%, Xã Trà My 15%, Xã Bến Hiên 17%, Xã Phước Chánh 17%, Phường Điện Bàn 19%, Xã Trà Liên 20%, Xã Trà Giáp 21%, Xã Sông Vàng 22%, Xã Nông Sơn 25%, Phường Điện Bàn Bắc 26%, Xã Lãnh Ngọc 27%, Xã Hòa Vang 29%.